

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**

Bản án số: **10 /2026/HS-ST**
Ngày 20 - 3 - 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nghiêm Đình Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Đào

Ông Nguyễn Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Việt Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang: Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2026/TLST - HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quốc S**; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh ngày 10/02/1986, tại tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKTT: Thôn P, xã V, tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Trần Quốc V (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1962; Vợ: Đào Thị Thu H1, sinh năm 1984; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC ngày 18/11/2025 của Trưởng Công an xã Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 5.000.000 đồng) về hành vi “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự*”. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Anh Lý Văn S1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn T, xã

Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Triệu Càn D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 28/9/2025, Trần Quốc S cùng anh Lý Văn S1 và anh T Càn Diết ngồi uống rượu tại nhà anh D (đều cư trú tại thôn T). Khoảng 01 giờ sau, thấy S có biểu hiện say rượu nên anh D đưa S về nhà ngủ (nhà S ở giáp nhà anh D), sau đó quay về nhà tiếp tục uống rượu và nói chuyện với anh S1. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, S tỉnh ngủ do nghe thấy anh S1 nói chuyện to tiếng bên nhà anh D. S đi ra bàn uống nước, lấy một con dao bằng kim loại (*là dao tự chế, tổng chiều dài 38,5 cm; phần bản và lưỡi dao dài 25,8 cm; chỗ rộng nhất của bản dao là 6,8 cm*), rồi cầm dao đi sang nhà anh D với mục đích đuổi anh S1 về. Khi sang đến nhà anh D, thấy anh S1 và anh D đang ngồi nói chuyện, hút thuốc lào tại bàn uống nước gần cửa ra vào, S đi vào, đứng cách anh S1 khoảng 60cm và nói: “Đ. mẹ nói đéo gì nói to thế, nói nhỏ thôi”. Anh S1 quay lại nói: “Này S nhé, đây là đất của tao, không phải đất của mày nhé”. Ngay sau đó, S dùng tay phải cầm dao, đặt phần lưỡi dao lên vùng đỉnh trán bên trái của anh S1, rồi cứa một nhát theo hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, làm rách da, chảy máu. Thấy anh S1 bị S cứa dao, anh D chạy ra ngoài tìm người để can ngăn thì S cầm dao đi về nhà cất rồi đi ngủ, còn anh S1 rửa vết máu trên chân rồi cũng đi về nhà ngủ. Ngày 29/9/2025, anh S1 đến Bệnh viện Đ để khám và điều trị vết thương.

* Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 166/2025/KL TTCT-ITGDYK&PY ngày 07/10/2025 của Trung tâm giám định y khoa và pháp y tỉnh T đối với Lý Văn S1, kết luận:

1. Các kết quả chính (kết quả khám, giám định và cận lâm sàng):

Sẹo phần mềm vùng trán đỉnh trái như mô tả (vùng trán đỉnh bên trái có vết thương hướng từ trước ra sau, kích thước 4,5 cm x 0,3 cm; vết thương đã khô, còn đóng vảy máu; phần vết thương lộ ra ngoài chân tóc 1,5 cm): 03%.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Lý Văn S1 tại thời điểm giám định là: 03% (*ba phần trăm*).

Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích nêu trên do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

* Tại Kết luận giám định số 1305/KL-KTHS ngày 15/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh T đối với con dao thu giữ của Trần Quốc S và mẫu máu của anh Lý Văn S1, kết luận: Trên con dao gửi giám định có máu người, thuộc nhóm máu A; máu của anh Lý Văn S1 thuộc nhóm máu A.

* Tại Kết luận giám định số 1311/KL-KTHS ngày 13/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh T đối với con dao tự chế bằng kim loại thu giữ của Trần Quốc S, kết luận: Mẫu vật gửi giám định là dao sắc thuộc Danh mục 2, Phụ lục V “Dao có tính sát thương cao” ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Tại điểm d khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ quy định:

“2. Vũ khí quân dụng bao gồm:

d) Súng săn; vũ khí quy định tại điểm a khoản 4; vũ khí quy định tại điểm a khoản 5 và dao có tính sát thương cao quy định tại khoản 6 Điều này khi sử dụng với mục đích xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người trái pháp luật.”

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Trần Quốc S đã bồi thường cho anh Lý Văn S1 số tiền 10.000.000 đồng. Anh S1 không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự.

Vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con dao bằng kim loại, có tổng chiều dài 38,5cm, phần bản và lưỡi dao dài 25,8 cm, chỗ rộng nhất bản dao là 6,8 cm.

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 21/CT-VKSTQ-P2 ngày 11/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Trần Quốc S để xét xử về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn dân sự anh Lý Văn S1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo S với nội dung: Bị cáo S đã nhận thức được lỗi lầm và bồi thường cho anh 10.000.000 đồng. Anh không yêu cầu bị cáo S bồi thường gì thêm và đề nghị xem xét cho bị cáo S được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để bị cáo S được cải tạo tại địa phương.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 304; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc S phạm tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Đề nghị xử phạt Trần Quốc S từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm

đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao bằng kim loại, có tổng chiều dài 38,5cm, phần bản và lưỡi dao dài 25,8 cm, chỗ rộng nhất bản dao là 6,8 cm.

- Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, nguyên đơn dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, cam đoan không tái phạm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự, người làm chứng, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của nguyên đơn dân sự người làm chứng có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/9/2025, tại thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang, Trần Quốc S cho rằng anh Lý Văn S1 uống rượu, nói chuyện to tại nhà anh Triệu Càn D (ở cạnh nhà S) làm S mất ngủ nên đã nảy sinh bức tức. S cầm 01 con dao bằng kim loại (dao tự chế), có tổng chiều dài 38,5 cm; phần bản và lưỡi dao dài 25,8 cm; chỗ rộng nhất của bản dao là 6,8 cm, đi sang nhà anh D. Khi đến nơi, S dùng tay phải cầm dao, đặt phần

lưỡi dao vào vùng trán đỉnh trái của anh S1 rồi cứa một nhát, gây thương tích cho anh S1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03% (ba phần trăm).

Theo Kết luận giám định số 1311/KL-KTHS ngày 13/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh T đối với con dao tự chế bằng kim loại thu giữ của Trần Quốc S, kết luận: Mẫu vật gửi giám định là dao sắc thuộc Danh mục 2, Phụ lục V “Dao có tính sát thương cao” ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện ở việc bị cáo đã cố ý sử dụng dao là công cụ có tính sát thương cao để tác động trực tiếp vào cơ thể anh S1. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về vũ khí, công cụ có tính sát thương cao, mà còn trực tiếp xâm phạm đến quyền được bảo đảm về sức khỏe của công dân – là quyền nhân thân cơ bản được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội chỉ xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt đời sống hằng ngày, nhưng bị cáo đã không kiềm chế được hành vi của mình mà lựa chọn cách giải quyết bằng bạo lực, sử dụng vũ khí nguy hiểm. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, làm gia tăng tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, do đó cần xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong toàn bộ thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nguyên đơn dân sự đồng thời là bị hại trong hành vi gây thương tích, là người bị thiệt hại về sức khỏe trong vụ án xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt: Bị cáo đã có hành vi trực tiếp dùng dao gây thương tích cho người khác. Hành vi này là trái phép, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với vũ khí quân dụng, sử dụng vũ khí quân dụng gây thiệt hại cho sức khỏe người khác.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, trước khi thực hiện hành vi vi phạm lần này bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư

trú rõ ràng. Do đó, HĐXX thấy rằng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập. Ngoài ra, bị cáo không có tài sản riêng nào khác có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 10.000.000 đồng. Nguyên đơn dân sự không có yêu cầu nào khác nên HĐXX không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng gồm: 01 con dao bằng kim loại, có tổng chiều dài 38,5cm, phần bản và lưỡi dao dài 25,8 cm, chỗ rộng nhất bản dao là 6,8 cm xét thấy không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc S phạm tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

- Xử phạt bị cáo Trần Quốc S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/3/2026).

Giao bị cáo Trần Quốc S cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

* Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

* Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng: 01 con dao bằng kim loại, có tổng chiều dài 38,5cm, phần bản và lưỡi dao dài 25,8 cm, chỗ rộng nhất bản dao là 6,8 cm.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 24/02/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Tuyên Quang).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Trần Quốc S phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/3/2026); Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- CQCSĐT, CQTHAHS, Phòng HSNV Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghiêm Đình Long